

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HS-PT

Ngày: 31-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:**
Bà Hồ Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 36/2022/TLPT-HS ngày 23 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Tự D do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tự D và bị hại Nguyễn Tiến A đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2022/HS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Định.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Nguyễn Tự D, sinh năm 1973 tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Thôn E, xã F, thị xã B, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Thợ rèn; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tự Ch (đã chết) và bà Lê Thị Q (đã chết); Vợ Nguyễn Thị Như Y, sinh năm 1975; con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

Bị hại: Anh Nguyễn Tiến A, sinh năm: 1978 (Có mặt).

Trú tại: Thôn E, xã F, thị xã B, tỉnh Bình Định.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tự D:

Ông Nguyễn Thanh H, Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định (Có mặt).

Địa chỉ: 276 L, phường Đ, thị xã B, tỉnh Bình Định.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1965 (Có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 (Có mặt).

3. Cháu Nguyễn Hùng Z, sinh năm 2009 (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Z: Chị Nguyễn Thị L (Có mặt).

4. Cháu Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 2004 (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Nh: Chị Huỳnh Thị Kim Th (Có mặt).

Đồng trú tại: Thôn E, xã F, thị xã B, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 03/01/2021, Nguyễn Tự D đến nhà em ruột là Nguyễn Song T ở Thôn E, xã F, thị xã B, tỉnh Bình Định để đào đất, trồng trụ bê tông làm hàng rào. Lúc này, anh Nguyễn Tiến A đi ngang qua vị trí Nguyễn Tự D đang làm và nói: “Lũ bay chôn trụ, tao mà không nhô lên, tao đội quần cả xóm, đất đang tranh chấp ai cho lũ bay làm”. Nghe vậy, D nói: “Đất của tao, tao muốn làm gì tao làm”. Thấy vậy, chị Huỳnh Thị Kim Th là vợ anh A và chị Nguyễn Thị L là vợ anh T gọi điện thoại báo cho ông Nguyễn Văn K là Bí thư chi bộ, kiêm Trưởng thôn E đến giải quyết vụ việc. Một lúc sau, ông K đến nói với Nguyễn Tự D có xây thì xây trên phần đất của mình tránh xảy ra tranh chấp dẫn đến mất trật tự trị an, rồi ông K đi công việc. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, anh A điều khiển xe độ đến nhà cha ruột là ông Nguyễn V ở cạnh bên nhà Nguyễn Song T để chở rom, khi điều khiển xe chạy qua khu vực đất mà D đang trồng trụ bê tông, làm hàng rào thì anh A cho xe độ chạy qua chạy lại vài lần gây khó dễ, rồi anh A dừng xe độ, đi vào nhà ông V. Nguyễn Tự D gọi điện thoại báo cho ông K biết việc anh A điều khiển xe độ không cho xây hàng rào và tông ngã trụ bê tông. Ông K liền đến nhà ông V gặp anh A và khuyên không được gây sự, hủy hoại tài sản. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, anh A, ông K cùng đi ra về. Lúc này, anh A điều khiển xe độ qua khu vực Nguyễn Tự D đang làm hàng rào, tiếp tục cho xe độ chạy qua chạy lại vài lần, rồi lúi xe độ tông vào một trụ bê tông mà D mới dựng xong, làm nghiêng trụ bê tông. Thấy vậy, D nói: “Nó cố ý phá tao”, rồi giật lấy 01 khúc cây gỗ tròn (có đặc điểm: dài 110cm, đường kính 1,5cm) của cháu Nguyễn Hùng Z là con của anh T đang cầm trên tay đứng gần đó để đánh anh A. Vừa lúc này, anh A cũng dừng xe độ, tắt máy, bước xuống bậc cabin và đang cúi khom người ra khỏi mái che của xe độ, tay trái rút lấy phần cán của cây xẻng đang đặt ở phía sau lưng ghế ngồi của xe độ để đánh D, nhưng vì anh A dừng xe độ sát trụ bê tông, nên khi rút lấy cây xẻng thì cán

cây xẻng đã bị kẹt lại bởi trụ bê tông, nên không rút cây xẻng ra được. Ngay lập tức, Nguyễn Tự D hai tay cầm khúc cây gỗ đánh mạnh 01 cái theo hướng từ trên xuống trúng vào cung mày trái của anh A gây thương tích, làm anh A té ngã xuống đất bất tỉnh. Thấy vậy, ông K đang đứng phía sau Nguyễn Tự D liền nhào đến ôm D lại, ngăn không cho đánh nhau, đồng thời giật lấy khúc cây gỗ mà Nguyễn Tự D đang cầm trên tay, rồi yêu cầu D vào nhà. Sau đó, ông K điện thoại báo cáo Công an xã F đến giải quyết vụ việc và giao nộp khúc cây gỗ trên cho công an xã; còn anh A được người nhà đưa đến Trung tâm y tế thị xã B cấp cứu, điều trị. Ngày 04/01/2021 được chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định để điều trị, đến ngày 05/01/2021 thì xuất viện.

- Tại giấy chứng nhận thương tích số: 185/GCN-BVĐKT ngày 12/3/2021 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định chứng nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của anh Nguyễn Tiến A: “Bệnh tình, đau đầu, đau bàn tay (T), vết thương cung mày (T) #5cm đã khâu, ngón II bàn tay (T) đang bất động, sưng bầm mắt (T), không yếu liệt, sinh hiệu ổn”.

- Tại bản Kết luận giám định số: 71/2021/PY-TgT ngày 09/4/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định kết luận đối với anh Nguyễn Tiến A:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương gây đau đầu, sưng bầm mắt trái, rách da cung mày trái, vỡ xương bờ ngoài hốc mắt trái đã điều trị. Hiện bờ trên cung mày trái vết thương để sẹo mờ kích thước (2×0,3cm); mắt trái hết sưng bầm. Tỷ lệ 08%.

- Chấn thương gây sưng đau ngón II bàn tay trái, gãy đốt 1 ngón II tay trái đã cố định xương. Hiện ngón II tay trái gập còn đau. Tỷ lệ 03%.

2. Kết luận: Căn cứ Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 11%”.

- Về vật chứng: Một cây gỗ tròn có chiều dài 110cm, đường kính 1,5cm, ngoài thân có màu đen không đều, không rõ loại cây gì. Một USB màu xám, bên trong lưu trữ 01 đoạn video dài 02 phút 02 giây quay lại diễn biến sự việc ẩu đả giữa Nguyễn Tự D với Nguyễn Tiến A xảy ra vào sáng ngày 03/01/2021 tại Thôn E, xã F, thị xã B. Một ảnh màu kích thước (12,7×17,7)cm được trích ra từ video, cảnh Nguyễn Tiến A rút cây gỗ từ phía sau ghế tài bằng tay trái.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Tiến A yêu cầu bị cáo Nguyễn Tự D phải có trách nhiệm bồi thường chi phí cho việc cấp cứu, điều trị, phục hồi sức khỏe, thu nhập thực tế bị mất và thu nhập bị mất của người chăm sóc với tổng số tiền 191.135.400 đồng. Bị cáo Nguyễn Tự D đã tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra Công an thị xã B để bồi thường cho bị hại A, bị hại A không nhận số tiền trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Định đã quyết định: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tự D 03 (ba) tháng tù về tội: "Cố ý gây thương tích". Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 buộc bị cáo Nguyễn Tự D phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Tiến A số tiền 29.183.900 đồng. Bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho anh A tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo giấy nộp tiền mặt tại Ngân hàng BIDV số 15288789 ngày 18/11/2021 nên được tính trừ vào số tiền phải bồi thường thiệt hại, nên bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho anh A số tiền 24.183.900 đồng khi bản án có hiệu lực thi hành.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 cây gỗ tròn có chiều dài 110cm, đường kính 1,5cm, ngoài thân có màu đen không đều, không rõ loại cây gì đã được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo quyết định chuyển vật chứng số 20/QĐ-VKSAN ngày 05/11/2021. Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 USB màu xám, bên trong lưu trữ 01 đoạn video dài 02 phút 02 giây quay lại diễn biến sự việc ẩu đả giữa Nguyễn Tự D và Nguyễn Tiến A xảy ra vào sáng ngày 03/01/2021 tại Thôn E, xã F, thị xã B.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Ngày 12/01/2022, bị hại có đơn kháng cáo, đến ngày 27/01/2022 bị hại kháng cáo bổ sung đề nghị tăng hình phạt và tăng số tiền bồi thường thiệt hại.

Ngày 13/01/2022, bị cáo có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và xin giảm số tiền bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, bị cáo xin rút kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại; bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về bồi thường thêm cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Án sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tự D mức án 03 tháng tù là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới để xin giảm nhẹ hình phạt là: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại theo bản án sơ thẩm đã tuyên; bản thân bị cáo bị bệnh tắc đường ruột mãn tính. Ngoài ra trong vụ án xét thấy bị hại cũng có lỗi; bị cáo phạm tội do vượt quá giới hạn

phòng vệ chính đáng; bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm e, g khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Xuất phát từ việc tranh chấp đất giữa hai bên, sáng ngày 03/01/2021, bị cáo D đào đất, xây dựng trụ bê tông làm hàng rào tại nhà em ruột là Nguyễn Song T ở Thôn E, xã F thì bị anh Nguyễn Tiến A cản trở, cho xe độ chạy qua lại khu vực đất và lùi xe tông nghiêng trụ hàng rào bê tông nên hai bên kinh cãi nhau. Khi thấy anh A dừng xe lại, bước xuống ca bin, vừa ra khỏi mái che của xe độ, tay trái vừa rút lấy 01 cây xẻng, bị cáo đã dùng 01 khúc cây gỗ nắm hai tay đánh mạnh từ trên xuống 01 cái trứng cung mày trái làm anh A gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 08% . Do đó, Tòa án nhân dân thị xã B xét xử bị cáo Nguyễn Tự D về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung là “Dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt của bị hại và kháng xin được hưởng án treo của bị cáo:

[2.1] Bị hại cho rằng bị cáo dùng cây xà beng đánh bị hại 02 cái, một cái trúng vào ngón tay và 01 cái trúng vào vùng mặt chứ không phải dùng cây gỗ đánh bị hại 01 cái như án sơ thẩm đã tuyên, nhưng ngoài lời khai của bị hại ra thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện bị cáo dùng cây xà beng đánh bị hại 02 cái như lời khai của bị hại. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Tự D khai nhận bị cáo lấy 01 khúc gỗ tròn của cháu Nguyễn Hùng Z đang cầm trên tay để đánh bị hại 01 cái theo hướng từ trên xuống trúng vào cung mày trái của bị hại gây thương tích. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng Nguyễn Văn K là Bí thư chi bộ kim trưởng thôn E, người trực tiếp can ngăn, lấy khúc khúc gỗ từ tay bị cáo, phù hợp với lời khai cháu Nguyễn Hùng Z và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, lời khai ban đầu của người làm chứng Nguyễn Thị Tuyết Nh là con ruột của bị hại cũng thể hiện bị cáo cầm cây đánh 01 cái vào vùng đầu của bị hại. Do đó án sơ thẩm xác định bị cáo dùng 01 khúc cây gỗ đánh 01 cái trúng cung mày trái làm bị hại bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 08% là có căn cứ.

[2.2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của người khác, gây mất trật tự an ninh tại địa

phương. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, khắc phục hậu quả nên khi quyết định mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đồng thời còn xem xét thêm hoàn cảnh gia đình của bị cáo có con còn ở tuổi vị thành niên để áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo mức án 03 (ba) tháng tù là tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt của bị hại.

[2.3] Tại phiên phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới là biên lai thu tiền khắc phục hậu quả và cung cấp thêm hồ sơ bệnh án thể hiện bị cáo bị bệnh liệt ruột và tắc ruột không có thoái vị. Ngoài ra, trong vụ án này Hội đồng xét phúc thẩm xét thấy bị hại cũng có một phần lỗi vì đã có hành vi lùi xe độ tông vào trụ bê tông do bị cáo mới dựng xong, gây tâm lý bức xúc cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét.

[2.4] Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Việc cho bị cáo được hưởng án treo không nguy hiểm cho xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp với Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Xét kháng cáo xin giảm số tiền bồi thường thiệt hại của bị cáo và tăng tiền bồi thường của bị hại.

[3.1] Về kháng cáo xin giảm số tiền bồi thường của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin rút kháng cáo xin giảm số tiền bồi thường, xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo tăng số tiền bồi thường thiệt hại của bị hại: Xét thấy án sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 29.183.900 đồng gồm các khoản: Chi phí điều trị là 4.439.010 đồng; Tiền thuê phương tiện đi cấp cứu, điều trị 1.200.000 đồng; Thu nhập bị mất khi nằm viện: 03 ngày x 500.000 đồng/ngày = 1.500.000 đồng; Thu nhập bị mất của người chăm sóc: 03 ngày x 200.000 đồng = 600.000 đồng; Khoản bù đắp tổn thất tinh thần được tính bằng 12 lần mức lương cơ sở do nhà nước quy định: 1.490.000đ x 12 = 17.880.000 đồng; Khoản bồi thường phục hồi sức khỏe được tính tiền thuốc mua bên ngoài và chi phí phục vụ điều trị sau khi xuất viện: 3.564.890 đồng là có căn cứ và phù hợp với thiệt hại thực tế theo hóa đơn chứng từ mà bị hại cung cấp. Tuy nhiên,

xét thấy bị cáo dùng hung khí nguy hiểm đánh vào vùng trán của bị hại gây thương tích là 08% nên sau khi ra viện bị hại cần có thời gian nghỉ ngơi hồi phục sức khỏe do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, tăng số tiền bồi thường thiệt hại do thu nhập bị mất trong thời gian nghỉ hồi phục sức khỏe sau khi ra viện là 20 ngày x 500.000đ = 10.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại số tiền là 10.000.000đ, nên được ghi nhận. Do đó tổng số tiền bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại là 39.183.900 đồng. Việc bị hại cho rằng bị hại làm nghề điều khắc với mức thu nhập là 2.000.000đ/ngày nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bị hại buộc bị cáo bồi thường tiền công lao động bị mất cho bị hại một ngày là 2.000.000đ x 71 ngày = 142.000.000 đồng theo như yêu cầu của bị hại.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm do kháng cáo yêu cầu tăng số tiền bồi thường thiệt hại của bị hại được chấp nhận và trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nộp 29.183.900đ để bồi thường thiệt hại cho bị hại.

[4.2] Về án phí phúc thẩm: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định về phần hình phạt là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 48, khoản 3 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 23 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tự D và bị hại Nguyễn Tiến A, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tự D 03 (Ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2.1. Giao bị cáo Nguyễn Tự D cho Ủy ban nhân dân xã F, thị xã B, tỉnh Bình Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2.2. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tự D phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Tiến A 39.183.900 (Ba mươi chín triệu một trăm tám mươi ba nghìn chín trăm) đồng. Bị cáo đã nộp số tiền 29.183.900 (Hai mươi chín triệu một trăm tám mươi ba nghìn chín trăm) đồng khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho anh A tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo giấy nộp tiền mặt tại Ngân hàng BIDV số 15288789 ngày 18/11/2021 và biên lai thu tiền số 0001536 ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B nên được tính trừ vào số tiền phải bồi thường thiệt hại. Bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho anh A số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án không trả hoặc trả không đầy đủ thì còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

7.2. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an thị xã B;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Duy